

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/DS-PT

Ngày: 29 - 03 - 2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lộc.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Văn Quân; Bà Đoàn Thị Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Trọng Kha – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Ông Lê Minh Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2019/TLPT- DS ngày 31 tháng 02 năm 2019 về việc “Tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 23/2018/DS-ST ngày 18/12/2018 của Tòa án nhân dân thị xã LaGi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2019/QĐXX-PT ngày 14/3/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Mỹ D, sinh năm 1947;

Địa chỉ: Khu phố 8, phường Phước Hội, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Thanh H – Luật sư của VPLS Nguyễn Duy Cân, chi nhánh La Gi, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Phù Hồng H, sinh năm 1950;

Địa chỉ: Khu phố 5, phường Phước Hội, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1993;

Địa chỉ: xã Mỹ Hòa, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

2. Bà Phạm Tân T, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Số 09 Phan Kế Bính, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1945; Địa chỉ: Khu phố 8, phường Phước Hội, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

Người kháng cáo: Bà Phù Hồng H là bị đơn trong vụ án.

Đương sự có mặt tại phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ D, luật sư Phan Thanh Hưng, bà Phù Hồng H, bà Nguyễn Thị Bích H. Các đương sự khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Hồ Thị Mỹ D trình bày:

Bà bán mỳ quảng trước tiệm thuốc Tây của bị đơn đã hơn 20 năm nên giữa hai người có mối quan hệ quen biết. Do bị đơn không biết đi xe nên trong thời gian từ năm 2013 đến giữa năm 2014, bị đơn nhiều lần nhờ bà đến gặp bà Y bán vịt trong chợ (không rõ tên tuổi, địa chỉ) để lấy tiền huê góp ngày. Sau đó, vì bị đơn không đóng huê nên giữa năm 2014, bà Y buộc bà phải chịu trách nhiệm đối với số nợ huê với lý do chỉ đưa tiền cho bà, không đưa tiền cho bị đơn. Bà đã phải trả đủ số tiền huê đi lấy giùm cho bà Y. Vì vậy, ngày 03/6/2014 (AL), bà yêu cầu bị đơn ghi giấy xác nhận nợ cho bà và bị đơn đã tự viết giấy nhận nợ, nội dung có mượn của bà (D) tổng số tiền 827.200.000 đồng. Ngoài ra, trong giấy có 02 khoản tiền ghi kèm ký hiệu “51F”, “70F”, là 02 khoản huê bị đơn chưa thanh toán cho bà Y nên bị đơn ghi nhớ theo phần cho dễ tính.

Sau khi viết giấy nợ trên, không thấy bị đơn trả tiền nên khoảng gần 01 tháng sau, bà bắt đầu đòi nợ và từ đó trở đi, bà liên tục đòi nợ nhưng bị đơn liên tục hẹn mà không trả được khoản nào. Những lần đòi nợ này, bà đứng bên ngoài (nơi bà bán mỳ) nói vào tiệm thuốc Tây của bị đơn chứ không vào nhà. Đến năm 2016, bà chính thức vào bên trong nhà bị đơn, gặp bị đơn cùng người thân với mục đích tạo áp lực buộc bị đơn phải trả nợ thì bị đơn hẹn bà đến khi nào mãn tang mẹ sẽ bán đất trả, nhưng sau đó lại hẹn đến mãn tang anh rể và chỉ trả dần cho bà được 20.000.000 đồng (trả trong 04 tháng, mỗi tháng 5.000.000 đồng). Nhận thấy, bị đơn có điều kiện kinh tế khá giả, nhưng không có thiện chí trả nợ mà còn có dấu hiệu tẩu tán tài sản, sang nhượng tài sản cho người thân nên bà làm đơn khởi kiện, yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc 827.200.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà khởi kiện bổ sung, yêu cầu ngoài số tiền gốc, bị đơn còn phải trả cho bà tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 1,125%, tạm tính từ ngày 03/6/2014 đến ngày 03/8/2018 với số tiền là 465.300.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc là **807.200.000** đồng và tiền lãi suất chậm trả với mức lãi suất cơ bản 9%/năm, tính từ ngày 29/7/2018 đến ngày xét xử (18/12/2018) với số tiền là 318.440.000 đồng. Tuy nhiên, đối với tiền lãi, bà cho lại bị đơn 218.440.400 đồng, chỉ yêu cầu bị đơn phải trả **100.000.000** đồng. Như vậy, tổng số tiền bị đơn phải trả cho bà là **907.200.000** đồng.

Bị đơn bà Phù Hồng H trình bày:

Bà thừa nhận mối quan hệ quen biết với nguyên đơn như nguyên đơn đã trình bày, thừa nhận có ghi giấy xác nhận nợ ngày 03/6/2014 AL với nội dung còn nợ nguyên đơn tổng số tiền 827.200.000 đồng. Nhưng không thừa nhận khoản nợ này là tiền vay mà là nợ huê. Nguyên bà có chơi huê góp ngày với nguyên đơn cách đây khoảng 15 năm, thể thức chơi là cứ 01 phần thì 10 ngày góp 5.000.000 đồng. Các phần huê có tham gia, bà đã hót hết và sau đó phải đóng huê chết và lãi, nhưng đến năm 2014 thì bà mất khả năng đóng nên ngày 03/6/2014 AL, nguyên đơn yêu cầu

bà chốt sổ, ghi giấy nợ. Thời điểm đó, bà còn nợ nguyên đơn tổng số tiền là 827.200.000 đồng, trong đó có 121 phần huê là tiền gốc (mỗi phần là 5.000.000 đồng) còn lại là lãi huê, nhưng nguyên đơn không cho ghi riêng mà buộc ghi chung nên bà không ghi rõ. Quá trình chơi huê, không có sổ huê và bà cũng không biết bạn huê nào khác, chỉ biết có chủ huê là nguyên đơn.

Sau ngày ghi giấy xác nhận nợ khoảng 01 tháng là nguyên đơn liên tục đòi nợ dù bà đã thông báo hoàn cảnh hiện không có khả năng trả ngay và hẹn khi nào bán đất sẽ trả. Nhưng nguyên đơn không thông cảm nên trong các tháng 6,7,8,9 năm 2017, bà đã trả dần cho nguyên đơn tổng cộng được 20.000.000 đồng, còn nợ lại 807.200.000 đồng. Đối với số nợ gốc này bà đồng ý trả, nhưng yêu cầu được trả góp mỗi tháng 6.000.000 đồng. Riêng đối với tiền lãi bà không đồng ý trả, vì quá trình chơi huê với nguyên đơn trong 15 năm, bà đã trả lãi nhiều rồi.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến của phía bị đơn, đồng ý trả số tiền gốc 807.200.000 đồng, nhưng trả dần mỗi tháng 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng chẵn). Đối với số tiền lãi 100.000.000 đồng như nguyên đơn yêu cầu, phía bị đơn không đồng ý trả vì cho rằng quá trình từ khi xác nhận nợ đến nay, hai bên không thỏa thuận thời điểm thanh toán, nguyên đơn cũng không ấn định rõ thời điểm buộc bị đơn phải thanh toán, do đó bị đơn không vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bị đơn không có nghĩa vụ phải trả lãi chậm thanh toán.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn H trình bày:

Ông và bà D là vợ chồng. Việc vay mượn tiền giữa bà D và bà H ông không tham gia cũng không biết. Thời gian gần đây ông mới được bà D kể lại. Số tiền bà D cho bà H vay là tài sản chung của vợ chồng ông; ông thống nhất với ý kiến của bà D, yêu cầu bà H có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng ông. Tuy nhiên, do sức khỏe yếu nên ông đề nghị được vắng mặt tất cả các buổi làm việc cũng như phiên xét xử của Tòa, toàn bộ ý kiến của bà D, ông đều thống nhất.

Sau khi hòa giải không thành, ngày 18 tháng 12 năm 2018, Tòa án nhân dân thị xã LaGi đã đưa vụ án ra xét xử tại Bản án số 23/2018/DS-ST, quyết định:

Áp dụng:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, 244 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 285, 305, 471, 474, 477 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền gốc 20.000.000 đồng và số tiền lãi 365.300.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Phù Hồng H phải trả số tiền 907.200.000 đồng (Chín trăm lẻ bảy triệu hai trăm nghìn đồng), trong đó gồm: 807.200.000 đồng tiền gốc và 100.000.000 đồng tiền lãi cho bà Hồ Thị Mỹ D và ông Phạm Văn H.

Về án phí: Bị đơn được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/12/2018, bị đơn bà Phù Hồng H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không đồng ý bản án sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa hôm nay,

Bị đơn bà Phù Hồng H đồng ý trả khoản tiền nợ cho vợ chồng nguyên đơn số tiền là 807.200.000đồng.

Nguyên đơn bà Hồ Thị Mỹ D đồng ý việc bị đơn trả khoản tiền nợ với số tiền là 807.200.000đồng, không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi đối với số tiền 100.000.000đồng như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành và thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả nợ gốc số tiền là 807.200.000đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn. Sửa bản án sơ thẩm, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 807.200.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ lời khai của các bên đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm, nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Phù Hồng H làm trong hạn luật định là hợp lệ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Phạm Văn H.

Về nội dung:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu bà H phải trả số tiền lãi 100.000.000đồng như bản án sơ thẩm đã tuyên, mà nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả nợ với số tiền gốc là 807.200.000đồng.

Tại phiên tòa bị đơn bà Phù Hồng H đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 807.200.000đồng.

Xét sự thỏa thuận nêu trên giữa nguyên đơn và bị đơn là tự nguyện, không trái quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn về việc bị đơn bà Phù Hồng H trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 807.200.000đồng. Vì thế sửa bản án sơ thẩm, việc sửa án này không phải lỗi của Tòa án cấp sơ thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự;

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 23/2018/DS-ST ngày 18/12/2018 của Tòa án nhân dân thị xã LaGi.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 285, Điều 305, Điều 471, Điều 474, Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền gốc 20.000.000 đồng và số tiền lãi 365.300.000 đồng.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, về việc: Bị đơn bà Phù Hồng H phải trả cho vợ chồng nguyên đơn bà Hồ Thị Mỹ D và ông Phạm Văn H khoản tiền nợ với số tiền 807.200.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Phù Hồng H được miễn nộp tiền án phí.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Phù Hồng H không phải nộp tiền án phí.

Trường hợp Bản án có hiệu lực được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (29/3/2019).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;

- TA, THA cấp huyện;

- Các đương sự;

- Lưu: TDS, Tổ HCTP, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lộc